



Ủy ban nhân dân
huyện Cù Lao Dung
Tỉnh Sóc Trăng

UBND HUYỆN CÙ LAO DUNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/TB-HĐTD

Cù Lao Dung, ngày 16 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức huyện Cù Lao Dung, năm 2023

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung về việc tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung, năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện tham dự kỳ xét tuyển viên chức huyện Cù Lao Dung, năm 2023.

Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện Cù Lao Dung thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức huyện Cù Lao Dung, năm 2023, cụ thể như sau:

1. Triệu tập 53 thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức huyện Cù Lao Dung, năm 2023.

(Có danh sách kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm xét tuyển Vòng 2

a) Thời gian: Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 29/10/2023 (Chủ Nhật).

b) Địa điểm: Tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Cù Lao Dung, ấp Phạm Thành Hơn A, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Hình thức: Thi viết

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian thi: 180 phút (không kể thời gian phát đề).

- Thang điểm: 100 điểm.

4. Tài liệu ôn tập

(Đính nội dung ôn tập theo vị trí việc làm).

5. Các nội dung cần lưu ý

- Thí sinh nhận phiếu dự thi Vòng 2 tại Phòng Nội vụ huyện Cù Lao Dung (địa chỉ: ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, điện thoại: 02993.860.668) từ ngày 26/10/2023 đến hết ngày 27/10/2023 (trong giờ hành chính), nếu thí sinh không đến nhận phiếu dự thi xem như không tham gia thi Vòng 2, mọi khiếu nại về sau Hội đồng tuyển dụng không xem xét, giải quyết.

- Thí sinh phải có mặt tại phòng thi đúng giờ quy định và phải mang theo Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng thi.

- Thí sinh đối chiếu lại các thông tin cá nhân trong danh sách kèm theo Thông báo này. Trường hợp có thay đổi thì thông tin đến Thường trực Hội đồng tuyển dụng (Phòng Nội vụ), số điện thoại 02993.860.668 trước ngày 26/10/2023 để được xem xét, cập nhật thông tin.

Thông báo này được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung và đăng tải trên trang thông tin điện tử huyện Cù Lao Dung địa chỉ: <https://www.culaodung.soctrang.gov.vn/>

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thành viên HĐ, BGS, BĐT;
- Trung tâm VH-TT-TT;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Thí sinh đủ điều kiện dự thi Vòng 2.
- Lưu: HSTDVC.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nguyễn Thị Ngọc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN CÙ LAO DUNG, NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 02/TB-HĐTD ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện Cù Lao Dung)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG CỘNG: 53 THÍ SINH											
I	Trường Mầm non Rạng Đông										
Vị trí việc làm Giáo viên mầm non: 01 thí sinh/02 chỉ tiêu											
1	Nguyễn Thị Bích		16/11/1985	Kinh	Ấp Đền Thờ, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Rạng Đông	Đại học	Giáo dục mầm non		
II	Trường Mầm non Sơn Ca										
Vị trí việc làm Giáo viên mầm non: 01 thí sinh/02 chỉ tiêu											
1	Nguyễn Thị Tú Trinh		25/11/2002	Kinh	Ấp Bình Danh A, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		
III	Trường Mầm non Thị trấn Cù Lao Dung										
Vị trí việc làm Giáo viên mầm non: 02 thí sinh/05 chỉ tiêu											
1	Danh Thị Thái Phương		04/09/2002	Khmer	Ấp Bưng Chông, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thị trấn Cù Lao Dung	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Khmer	
2	Quách Thị Yến Nhung		16/06/1996	Khmer	Ấp An Bình, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thị trấn Cù Lao Dung	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Khmer	
IV	Trường Tiểu học An Thạnh 1A										
Vị trí việc làm Giáo viên tiểu học (Tin học): 01 thí sinh/01 chỉ tiêu											
1	Lý Đăng Khoa	03/12/1999		Kinh	Ấp Bờ Kinh, xã Hậu Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học (Tin học)	Trường Tiểu học An Thạnh 1A	Đại học	Khoa học máy tính		Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy cấp Tiểu học



Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ								
V	Trường Tiểu học An Thạnh 1B										
V.1	Vị trí việc làm Giáo viên tiểu học: 06 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Trần Thị Mỹ Chi		15/02/1994	Kinh	Ấp Vô Thành Văn, xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học An Thạnh 1B	Đại học	Giáo dục tiểu học		
2	Đỗ Thị Mỹ Quyên		28/07/1998	Kinh	Ấp An Hưng, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học An Thạnh 1B	Đại học	Giáo dục tiểu học		
3	Tạ Thị Hồng Hoa		29/05/1994	Kinh	Ấp An Quới, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học An Thạnh 1B	Đại học	Giáo dục tiểu học	Hường trợ cấp tai nạn lao động	
4	Lê Thái Vy		28/05/1997	Kinh	Ấp An Thương, xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học An Thạnh 1B	Đại học	Giáo dục tiểu học		
5	Phạm Thị Huỳnh Hồng		06/06/1993	Kinh	Ấp Lê Minh Châu B, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học An Thạnh 1B	Đại học	Giáo dục tiểu học		
6	Nguyễn Huỳnh Dao		09/01/1993	Khmer	Ấp An Quới, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học An Thạnh 1B	Đại học	Giáo dục tiểu học	Khmer	
V.2	Vị trí việc làm Giáo viên tiểu học (Tiếng Anh): 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Nguyễn Nhật Minh		16/05/2000	Kinh	Ấp Nguyễn Công Minh A, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học (Tiếng Anh)	Trường Tiểu học An Thạnh 1B	Đại học	Ngôn ngữ Anh		Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy cấp Tiểu học
VI	Trường Tiểu học An Thạnh 2B										
	Vị trí việc làm Y tế trường học: 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Trương Văn Kinh	30/07/1994		Kinh	Ấp Bình Danh A, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Y tế trường học	Trường Tiểu học An Thạnh 2B	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		
VII	Trường Tiểu học An Thạnh 3A										
VII.1	Vị trí việc làm Giáo viên tiểu học (Tiếng Anh): 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Phan Thảo Nhi		26/03/1996	Kinh	Ấp Chợ, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học (Tiếng Anh)	Trường Tiểu học An Thạnh 3A	Đại học	Ngôn ngữ Anh		Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy cấp Tiểu học

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ								
VII.2	Vị trí việc làm Y tế trường học: 02 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Nguyễn Thị Bích Phương		11/08/1996	Kinh	Ấp An Bình, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Y tế trường học	Trường Tiểu học An Thạnh 3A	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		
2	Dương Thị Yên Khoa		29/08/1998	Kinh	Ấp An Nghiệp, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Y tế trường học	Trường Tiểu học An Thạnh 3A	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		
VII.3	Vị trí việc làm Thư viện: 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Trương Giác Khải	03/03/1991		Kinh	Ấp An Bình, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Thư viện	Trường Tiểu học An Thạnh 3A	Trung cấp	Thư viện		
VIII	Trường Tiểu học An Thạnh Đông A										
VIII.1	Vị trí việc làm Giáo viên tiểu học (Tiếng Anh): 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Nguyễn Thị Kim Ngân		13/12/1993	Kinh	Ấp Phạm Thành Hơn B, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Tiểu học (Tiếng Anh)	Trường Tiểu học An Thạnh Đông A	Dại học	Ngôn ngữ Anh		Có bằng cử nhân Giáo dục tiểu học
IX	Trường Tiểu học An Thạnh Tây										
	Vị trí việc làm Y tế trường học: 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Lê Bích Thảo		10/02/1992	Kinh	Ấp Bình Danh A, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Y tế trường học	Trường Tiểu học An Thạnh Tây	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		
X	Trường Tiểu học Đại Ân 1B										
X.1	Vị trí việc làm Kế toán: 02 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Nguyễn Thị Kiều Trang		27/12/1989	Kinh	Ấp An Thường, xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	Trường Tiểu học Đại Ân 1B	Cao đẳng	Kế toán		
2	Hứa Thị Bích Vân		15/08/1991	Kinh	Ấp An Nghiệp, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	Trường Tiểu học Đại Ân 1B	Cao đẳng	Kế toán		
X.2	Vị trí việc làm Thư viện: 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Huỳnh Thị Hồng Nguyên		15/10/1978	Kinh	Ấp Nguyễn Tăng, xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Thư viện	Trường Tiểu học Đại Ân 1B	Trung cấp	Thư viện		

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ								
XI	Trường Tiểu học thị trấn Cù Lao Dung										
XI.1	Vị trí việc làm Thư viện: 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Lê Ái Nhân		19/12/1997	Kinh	Ấp Phạm Thành Hơn B, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Thư viện	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Lao Dung	Trung cấp	Thư viện		
XII	Trường Trung học cơ sở An Thạnh 1										
XII.1	Vị trí việc làm Giáo viên trung học cơ sở (Địa lý): 04 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Trần Thị Thu Trang		18/05/1993	Kinh	Ấp An Phú, xã An Thạnh Tây, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học cơ sở (Địa lý)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh 1	Đại học	Sư phạm Địa lý		
2	Lâm Thị Hoàng Nhi		19/10/1994	Khmer	Ấp Tân Lịch, xã Tân Hưng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học cơ sở (Địa lý)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh 1	Đại học	Sư phạm Địa lý	Khmer	
3	Trần Mỹ Ngoan		24/05/1989	Khmer	Ấp Bưng Long, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học cơ sở (Địa lý)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh 1	Đại học	Sư phạm Địa lý	Khmer	
4	Thạch Thị Sô Đa		01/07/1992	Khmer	Ấp Trà Sết, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học cơ sở (Địa lý)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh 1	Đại học	Sư phạm Địa lý	Khmer	
XIII	Trường Trung học cơ sở An Thạnh 2										
XIII.1	Vị trí việc làm Giáo viên trung học cơ sở (Hóa học): 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Sơn Thị Đa Ni		26/01/1986	Khmer	Ấp Nguyệt Lăng B, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Giáo viên Trung học cơ sở (Hóa Học)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh 2	Đại học	Sư phạm Hóa học	Khmer	
XIII.2	Vị trí việc làm Thư viện: 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Diệp Thị Na Trinh		30/03/1996	Khmer	Ấp Bình Danh B, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Thư viện	Trường Trung học cơ sở An Thạnh 2	Trung cấp	Thư viện	Khmer	
XIV	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Đông										
	Vị trí việc làm Văn thư: 03 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Tiêu Kiện Toàn	15/09/1989		Kinh	Ấp Phước Hòa A, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Văn thư	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Đông	Trung cấp	Văn thư - lưu trữ		
2	Trần Thị Hồng Duyên		17/01/1984	Kinh	Ấp Trương Công Nhứt, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Văn thư	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Đông	Trung cấp	Thư ký văn phòng		

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ								
3	Nguyễn Trọng Tâm	27/04/1992		Kinh	Ấp An Trung A, xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Văn thư	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Đông	Trung cấp	Thư ký văn phòng		
XV	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Nam										
	Vị trí việc làm Y tế trường học: 02 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Huỳnh Thị Mỹ Hà		10/09/1984	Kinh	Ấp Vô Thành Văn, xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Y tế trường học	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Nam	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		
2	Trần Diễm Phúc	22/12/1995		Kinh	Ấp An Hưng, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Y tế trường học	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Nam	Trung cấp	Y sĩ		
XVI	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Tây										
XVI.1	Vị trí việc làm Giáo viên trung học cơ sở (Giáo dục công dân): 05 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Phạm Minh Trung	08/10/2001		Kinh	Ấp Kinh Hội, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	Giáo viên Trung học cơ sở (Giáo dục công dân)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Tây	Dại học	Giáo dục công dân		
2	Nguyễn Thị Oanh Kiều		01/12/2001	Kinh	Ấp Phước Hòa A, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học cơ sở (Giáo dục công dân)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Tây	Dại học	Giáo dục công dân		
3	Huỳnh Thị Ngọc Mai		12/12/1997	Khmer	Ấp Nguyễn Công Minh A, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học cơ sở (Giáo dục công dân)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Tây	Dại học	Giáo dục công dân	Khmer	
4	Huỳnh Văn Tổng	16/04/1994		Kinh	Ấp Nhi, xã Châu Khánh, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học cơ sở (Giáo dục công dân)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Tây	Dại học	Giáo dục công dân		
5	Nguyễn Thị Ngọc Đình		26/08/2000	Kinh	Ấp Kinh giữa 1, xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học cơ sở (Giáo dục công dân)	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Tây	Dại học	Giáo dục công dân		
XVI.2	Vị trí việc làm Y tế trường học: 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Phạm Thị Trúc Hà		09/10/1997	Kinh	Ấp An Trung, xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Y tế trường học	Trường Trung học cơ sở An Thạnh Tây	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ								
XVII	Trường Trung học cơ sở Đại Ân 1										
XVII.1	Vị trí việc làm Giáo viên trung học cơ sở (Vật lý): 02 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Huỳnh Phát Đạt	24/11/1992		Kinh	Số 52, Quốc lộ 61, Thị tứ Rạch Gôi, Châu Thành A, Hậu Giang	Giáo viên Trung học cơ sở (Vật lý)	Trường Trung học cơ sở Đại Ân 1	Đại học	Sư phạm Vật lý		
2	Thạch Thị Thu Nguyên		11/10/1991	Khmer	Ấp Phước Long, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học cơ sở (Vật lý)	Trường Trung học cơ sở Đại Ân 1	Đại học	Sư phạm Vật lý	Khmer	
XVIII	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên										
XVIII.1	Vị trí việc làm Giáo viên trung học phổ thông (Toán): 02 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Đình Công Chánh	10/02/1994		Kinh	Ấp Phước An B, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học phổ thông (Toán)	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Đại học	Sư phạm Toán học		
2	Danh Thị Hồng Nhiên		05/07/1991	Khmer	Ấp Phú Quới, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Giáo viên Trung học phổ thông (Toán)	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Đại học	Sư phạm Toán học		
XVIII.2	Vị trí việc làm Kế toán: 04 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Trương Thị Út Thương		02/02/1993	Kinh	Ấp Phước 3B, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Kế toán	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Đại học	Kế toán		
2	Lục Thanh Nhac	10/03/1999		Kinh	29/8 Hồ Nước Ngọt, Phường 6, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Đại học	Kế toán		
3	Dương Lệ Hằng		10/04/1990	Kinh	Ấp Chợ, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Đại học	Kế toán		
4	Lê Ngọc Bích		25/04/1985	Kinh	Ấp Bình Danh A, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Đại học	Tài chính ngân hàng		
XIX	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh										
XIX.1	Vị trí việc làm Phóng viên: 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Lương Thị Hằng		16/10/1996	Kinh	Thôn Mỏ Đá, xã Tân Dương, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	Phóng viên	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	Đại học	Báo chí		



Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ								
XIX.2	Vị trí việc làm Thể dục, thể thao: 01 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Trần Hoàng Dương	16/10/1990		Khmer	162 Hùng Vương, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Thể dục, thể thao	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	Đại học	Huấn luyện thể thao	Khmer	
XIX.3	Vị trí việc làm Văn hóa, văn nghệ: 03 thí sinh/01 chỉ tiêu										
1	Lý Ngọc Phương		25/03/1990	Kinh	Áp Bình Du A, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Văn hóa, văn nghệ	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	Đại học	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	Con Thương binh	
2	Huỳnh Phi Hải	29/10/1988		Kinh	Áp Giồng Cỏ, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Văn hóa, văn nghệ	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	Đại học	Quản lý văn hóa		
3	Nguyễn Thị Ngọc Hân		27/12/1998	Kinh	Áp Phú, xã An Thạnh Tây, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Văn hóa, văn nghệ	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	Đại học	Du lịch		

Danh sách này có 53 người



NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC HUYỆN CÙ LAO DUNG, NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 02/TB-HĐTD ngày 16/10/2023 của Chủ tịch Hội đồng
tuyển dụng viên chức huyện Cù Lao Dung)

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Luật Giáo dục; Điều lệ trường mầm non; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; Các thông tư, văn bản của Bộ GD&ĐT về GDMN.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Hiểu biết về chương trình GDMN; Kỹ năng lập kế hoạch thực hiện chương trình GDMN; Các quan điểm mới trong thực hiện chương trình GDMN hiện nay.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** xử lý tình huống sư phạm cụ thể.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không** được sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

- Luật số Giáo dục ngày 14/06/2019 (Chương II. Mục 1: Điều 23, 24, 25, 26,27; Chương V: Điều 81).

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường mầm non.

- Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN.

2. Phần năng lực chuyên môn nghiệp vụ

2.1. CTGDMN theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình GDMN; chương trình GDMN hiện hành (Giới hạn phân dành cho trẻ mẫu giáo).

- Mục tiêu của các lĩnh vực trong chương trình giáo dục mầm non.

- Quan điểm xây dựng chương trình GDMN.

- Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non và kết quả mong đợi của các lĩnh vực trong chương trình GDMN theo các độ tuổi mẫu giáo.

2.2. Kế hoạch bài dạy (Giáo án): Tổ chức hoạt động có chủ đích gồm Thiết kế bài dạy tổ chức hoạt động Khám phá khoa học, hoạt động Giáo dục âm nhạc trong chương trình mẫu giáo.

3. Xử lý tình huống sư phạm

Xử lý tình huống sư phạm trong công tác của người GVMN

- Tình huống sư phạm giữa GVMN và trẻ;
- Tình huống sư phạm giữa GVMN với phụ huynh.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III (CHỦ NHIỆM LỚP).

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 3 phần, thang điểm là 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Những vấn đề chung về chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Quy định kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học.

+ Điều lệ trường tiểu học.

- Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):

+ Năng lực phân tích, hướng dẫn học sinh thực hành một nội dung kiến thức của môn Tiếng Việt và môn Toán lớp 1, 2, 3 chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

+ Năng lực xây dựng kế hoạch bài dạy một nội dung kiến thức của môn Tiếng Việt và môn Toán lớp 1, 2, 3 chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm): Xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học hoặc trong công tác chủ nhiệm.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, tài liệu liên quan đề cung cấp cho thí sinh làm bài ở phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có).

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường Tiểu học (trọng tâm Nhiệm vụ và quyền của giáo viên)

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT quy định đánh giá học sinh tiểu học (trọng tâm nội dung đánh giá, các hình thức và giai đoạn đánh giá)

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (Trọng tâm: Mục tiêu Chương trình GDPT 2018 tổng thể, chương trình môn Toán và chương trình môn Ngữ văn cấp Tiểu học).

- Quy định đạo đức nhà giáo được ban hành kèm theo QĐ số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008.

- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học (trọng tâm phụ lục 3: Xây dựng Kế hoạch bài dạy ở Tiểu học).

- Một số vấn đề về công tác chủ nhiệm lớp tiểu học.

2. Kiến thức chuyên môn

- Phân tích, hướng dẫn học sinh thực hành một nội dung kiến thức của môn Tiếng Việt và môn Toán lớp 1, 2, 3 trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy một nội dung kiến thức của môn Tiếng Việt và môn Toán lớp 1, 2, 3 trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

3. Xử lý tình huống sư phạm

Xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học hoặc trong công tác chủ nhiệm.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III (DẠY MÔN TIẾNG ANH).

A. Cấu trúc và hình thức đề

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 3 phần, thang điểm là 100 điểm. Cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):**

+ Quy định chung và nội dung quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

+ Tổ chức hoạt động giáo dục; nhiệm vụ và quyền của giáo viên, nhân viên; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

+ Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy ở cấp tiểu học.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Xây dựng kế hoạch bài dạy cho từng bài học đảm bảo nội dung chương trình và phát triển bốn kỹ năng nghe - nói - đọc - viết; thiết kế đề kiểm tra và thi.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý các tình huống sư phạm.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được sử dụng tài liệu**. Những tài liệu liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài tập ở phần thi vận dụng sẽ đính kèm trong đề thi. (nếu có)

B. Nội dung ôn tập:

1. **Phần kiến thức chung:** Tham khảo các văn bản sau:

- Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/04/2019 của Bộ GD&ĐT quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường Tiểu học.

- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/06/2021 Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

2. Kiến thức chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch bài dạy bốn kỹ năng: nghe - nói - đọc - viết. (Lesson plans for teaching listening, speaking, reading, writing)

- Xây dựng kế hoạch bài dạy ngữ pháp. (Lesson plans for teaching grammar)

- Thiết kế bài kiểm tra đánh giá bốn kỹ năng: nghe - nói - đọc - viết. (Designing tests for listening, speaking, reading, writing)

* Chú ý: Xây dựng kế hoạch bài dạy theo công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ GD&ĐT.

3. **Nghiệp vụ sư phạm:** Xử lý các tình huống sư phạm.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III (DẠY MÔN TIN HỌC)

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi gồm 03 phần, thang điểm là 100. Cụ thể như sau:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng về chương trình giáo dục tiểu học, xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình giáo dục môn học;

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Những phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực; quy định đánh giá học sinh tiểu học; những vấn đề chung về đổi mới chương trình GDPT 2018; các vấn đề về đánh giá học sinh tiểu học; nhận biết, xây dựng đề kiểm tra có phân hóa theo các mức độ; năng lực phân tích, đánh giá, hướng dẫn học sinh nội dung kiến thức của môn học theo chủ đề, theo chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình lớp 3, 4, 5; xây dựng Kế hoạch bài dạy (giáo án) một tiết dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Quy trình xử lý các tình huống sư phạm; xử lý tình huống cụ thể.

2. Hình thức đề thi: Đề thi thiết kế theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút. Những ngữ liệu, nội dung liên quan đề cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) cấp Tiểu học. Cụ thể các nội dung:

+ Giải thích Chương trình (Mục IX): 1. Giải thích thuật ngữ; 2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của học sinh (nội dung Cấp tiểu học); 3. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh (nội dung Cấp tiểu học); 4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của học sinh.

+ Mục V định hướng về nội dung giáo dục, tiểu mục 6 giáo dục tin học ở giai đoạn giáo dục cơ bản.

+ Mục IX giải thích chương trình, tiểu mục 4 yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của học sinh chủ yếu năng lực về tin học.

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường Tiểu học. Cụ thể các nội dung:

+ Quy định chung (Chương I): Điều 2, 3, 4, 6.

+ Tổ chức và quản lý nhà trường (Chương II): Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16.

+ Tổ chức hoạt động giáo dục: Chương III

- + Nhiệm vụ và quyền của giáo viên (Chương IV): Điều 26, 27, 29, 30, 31, 32.
- + Nhiệm vụ và quyền của học sinh (Chương V): Điều 33, 34, 35, 37.
- + Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội: Chương VII
- Luật Giáo dục 2019 chú ý đến:
 - + Chương IV Nhà giáo: Mục 1 vị trí, vai trò, tiêu chuẩn nhà giáo, điều 67 tiêu chuẩn của nhà giáo; Mục 2 nhiệm vụ và quyền của nhà giáo, điều 69 nhiệm vụ của nhà giáo.

+ Chương 5: Người học.

+ Chương 6: Trách nhiệm của nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục.

2. Phân năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực:
 - + Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề;
 - + Phương pháp đóng vai.
 - + Phương pháp trò chơi
 - + Kỹ thuật khăn trải bàn
 - + Kỹ thuật giải quyết vấn đề
- Xây dựng Kế hoạch bài dạy (giáo án) một tiết dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

3. Phần xử lý tình huống sư phạm

Vận dụng xử lý tình huống cụ thể:

- Tình huống giữa giáo viên với học sinh
- Tình huống giữa học sinh với học sinh.
- Tình huống giáo viên với cha mẹ học sinh.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ HẠNG III (DẠY MÔN VẬT LÝ)

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Luật Giáo dục 2019; những vấn đề chung về chương trình GDPT 2018; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; nội dung về chương trình GDPT môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lý.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các vấn đề về phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lý; xây dựng kế hoạch bài dạy môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lý; vận dụng lý thuyết trắc nghiệm khách quan thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lý.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý một tình huống sư phạm cụ thể trong quá trình giảng dạy môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lý.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (*nếu có*) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

- Luật Giáo dục 2019: Chú ý đến các điều ở tiểu mục 2. Giáo dục phổ thông thuộc Chương 2. Hệ thống giáo dục quốc dân; Chương IV. Nhà giáo.

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT, lưu ý các nội dung sau:

+ Chương II: Điều 12, Điều 14, Điều 16.

+ Chương III: Điều 21, Điều 22.

+ Chương IV: Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31

+ Chương V.

- Chương trình tổng thể được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT. Phần này chú ý các vấn đề sau:

+ Mục II: Mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông;

+ Mục III: Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.

+ Mục IX: Giải thích chương trình.

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT chú ý đến:

+ Chương II: Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9, vận dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn Khoa học tự nhiên.

+ Chương III: Điều 15.

- Công văn Số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT lưu ý nội dung xây dựng Kế hoạch bài dạy (giáo án) theo phụ lục IV.

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV);

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế giáo án cho 01 tiết dạy môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí với nội dung bài dạy được gợi ý đính kèm cụ thể. Trong đó:

+ Thí sinh cần tập trung chú ý đến nội dung xây dựng Kế hoạch bài dạy theo Công văn Số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

+ Về nội dung: Chương trình môn Khoa học tự nhiên lớp 6, 7 hiện hành.

- Trình bày việc hướng dẫn học sinh giải một bài toán Vật lí cụ thể trong chương trình môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí, trong đó chú ý đến việc xây dựng hệ thống các câu hỏi hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài và giải bài toán Vật lí.

- Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo nội dung đã cho trước, trong đó tập trung chú ý làm rõ lý do đề xuất các phương án A, B, C hoặc D; hướng dẫn học sinh giải và chọn phương án cho câu hỏi vừa thiết kế.

3. Phần nghiệp vụ sư phạm

Giải quyết tình huống: Xử lí một tình huống sư phạm cụ thể trong quá trình giảng dạy môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí ở trường phổ thông.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THCS HẠNG III (DẠY MÔN HÓA HỌC)

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi gồm có 3 phần, thang điểm 100, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Khoa học tự nhiên cấp THCS; Điều lệ trường THCS; quy định về kiểm tra, đánh giá học sinh THCS; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH của Bộ GD&ĐT đối với cấp học THCS.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Những kiến thức cơ bản về chương trình môn học Khoa học tự nhiên cấp THCS thuộc lĩnh vực Hóa học; kỹ năng lập kế hoạch bài dạy; dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực người học; kỹ năng giải bài toán Hóa học tổng hợp.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Quy trình xử lý tình huống sư phạm, xử lý tình huống sư phạm cụ thể.

2. Hình thức ra đề: Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút, thí sinh không được sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Khoa học tự nhiên cấp THCS;

- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông (Chương II, Điều 5, 6, 9, 12, 15);

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 về ban hành điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Chương IV, Điều 6, 9, 14, 18, 30).

2. Phần năng lực chuyên môn

- **Thiết kế kế hoạch bài dạy:** Theo tinh thần Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 về hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục theo thông tư 32 (Phụ lục III, phụ lục IV); nội dung thuộc lĩnh vực Hóa học của môn Khoa học tự nhiên lớp 7, 8.

- **Phương pháp dạy học:** Vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích hợp, dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm; dạy học theo hướng trải nghiệm sáng tạo vào giảng dạy chương trình Hóa học cấp THCS; phương pháp giải bài toán Hóa học tổng hợp vô cơ và hướng dẫn người học giải bài toán Hóa học.

3. Xử lý tình huống sư phạm: Xử lý tình huống sư phạm có lồng ghép kiến thức chuyên môn thuộc lĩnh vực Hóa học cấp THCS.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THCS HẠNG III (DẠY MÔN ĐỊA LÍ)

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ viên chức, công chức.

+ Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (*Các phụ lục kèm theo*).

+ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

+ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử - Địa lí cấp THCS.

- Phần thực hành năng lực chuyên môn (40 điểm):

Các vấn đề liên quan đến kế hoạch dạy học môn Địa lí theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT; các phẩm chất và năng lực cần đạt được trong chương trình; cách kiểm tra và đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT.

- Phần xử lý tình huống sư phạm (30 điểm):

Xử lý một tình huống cụ thể trong thực tế giảng dạy.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu, **được phép** sử dụng Sách giáo khoa Lịch sử - Địa lí khối 6, 7 (bộ Chân trời sáng tạo của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam).

B. Nội dung ôn tập

1. Phần chung

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Chương II, III, IV)

- Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ viên chức, công chức (Chú ý Chương II, Mục 3. Tiêu chí xếp loại chất lượng viên chức).

- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông: chú ý đến Chương II, Điều 6, Điều 8 (đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì)

- Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (*Các phụ lục kèm theo của công văn 5512*)

- Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông) chú ý các Mục I, II, III.

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông) chú ý các vấn đề về phân môn Địa lí: Mục I, II, III.

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Trình bày được các bước trong một kế hoạch bài dạy theo phụ lục IV của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế kế hoạch bài dạy nội dung địa lí trong chương trình giáo dục môn Lịch sử và Địa lí lớp 6,7 (bộ sách Chân trời sáng tạo của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam) theo Phụ lục IV của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3. Phần xử lý tình huống sư phạm

Xử lý được một tình huống sư phạm trong thực tế giảng dạy nội dung địa lí trong môn Lịch sử và Địa lí.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THCS HẠNG III (DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN)

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Các quy định trong lĩnh vực GD&ĐT và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên THCS

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Thiết kế kế hoạch bài dạy.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý một tình huống sư phạm.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Tài liệu có nội dung liên quan đề cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thực hành năng lực chuyên môn là: Sách giáo khoa môn Giáo dục công dân - Lớp 7 (Bộ sách Chân trời sáng tạo)

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Gồm những kiến thức cốt lõi của các văn bản quy định sau đây:

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 (Điều 3 – Tính chất, nguyên lý giáo dục; Điều 7 - Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục; Điều 22 - Các hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục)

- Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ GD&ĐT quy định về đạo đức nhà giáo (Điều 3 - Phẩm chất chính trị; Điều 4 - Đạo đức nghề nghiệp)

- *Chương trình tổng thể giáo dục phổ thông* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT): Mục IX: Giải thích chương trình (Tiểu mục 2 : Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu ở học sinh; Tiểu mục 3 : Yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh; Tiểu mục 4 : Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của học sinh - *Tập trung vào yêu cầu về phẩm chất, năng lực của học sinh*)

- *Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân thông* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT): Mục IV : Yêu cầu cần đạt (Mục 2: Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù - *tập trung những năng lực đặc thù*)

- Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường: Phụ lục IV: Khung kế hoạch bài dạy (*Thiết kế kế hoạch bài dạy cho một hoạt động*)

- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông (Điều 6,8- Chương II: Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh)

- Sách giáo khoa Giáo dục công dân - Lớp 7 (Thí sinh lựa chọn chủ đề để thiết kế kế hoạch bài dạy cho một hoạt động)

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế kế hoạch bài dạy cho 01 hoạt động với nội dung bài dạy tự chọn. Trong đó lưu ý:

+ Thí sinh cần tập trung chú ý đến Phụ lục IV Khung kế hoạch bài dạy trong Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT. Khi xây dựng kế hoạch bài dạy thí sinh không được ghi thông tin của thí sinh mà phải sử dụng thông tin giả định (Ví dụ: Trường THCS: ABC; giáo viên soạn: XYZ).

+ Về nội dung: Tập trung nội dung chương trình Giáo dục công dân lớp 7 (Bộ sách Chân trời sáng tạo).

3. Phần nghiệp vụ sư phạm

Xử lý các tình huống sư phạm xảy ra trong hoạt động giáo dục môn Giáo dục công dân.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THPT HẠNG III (DẠY MÔN TOÁN)

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những vấn đề chung về đổi mới chương trình GDPT 2018; nội dung về đánh giá, điều lệ trường THPT, tiêu chuẩn nghề nghiệp, đổi mới chương trình môn Toán THPT.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các vấn đề về phương pháp dạy học toán; vận dụng lý thuyết trắc nghiệm khách quan thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan toán; năng lực phân tích, hướng dẫn học sinh giải quyết bài toán thuộc chương trình môn Toán THPT.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý một tình huống sư phạm; xử lý một tình huống cụ thể xảy ra trong quá trình dạy học toán.

2. Hình thức đề thi

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu, được sử dụng máy tính cầm tay. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (*nếu có*) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Phần kiến thức tổng quan về chương trình giáo dục THPT nói chung và chương trình môn Toán THPT nói riêng, thí sinh tìm hiểu:

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV);

- Thông tư 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học viên theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông;

- Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập.

Trong đó, thí sinh chuyên ngành Toán tập trung tìm hiểu kĩ:

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán (Ban hành kèm theo Thông

tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 Bộ GD&ĐT). Phần này chú ý các vấn đề sau:

- + Mục II: Quan điểm xây dựng chương trình
 - + Mục III: Mục tiêu chương trình (chú trọng mục tiêu cấp trung học phổ thông, khuyến khích đến việc lấy ví dụ để phân tích làm rõ)
 - + Mục IV: Yêu cầu cần đạt
- Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 cần chú ý đến chương II (điều 5 đến điều 9), chương IV (điều 17 và điều 18) và các nội dung liên quan về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán.
- Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT cần chú ý đến chương II, điều 3 kết hợp điều 4 trong Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Trình bày một bài giải khoa học, chặt chẽ đối với bài toán cho trước; xác định những vấn đề cần lưu ý khi giải bài toán cụ thể.
- Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm môn Toán theo nội dung đã cho trước, trong đó tập trung chú ý làm rõ lý do đề xuất các phương án A, B, C hoặc D; hướng dẫn học sinh giải và chọn phương án cho câu hỏi vừa thiết kế.
- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế kế hoạch bài dạy cho 01 tiết dạy môn Toán với nội dung được gợi ý đính kèm cụ thể. Trong đó:
 - + Thí sinh cần tập trung chú ý đến cấu trúc nội dung kế hoạch bài dạy theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT (Phụ lục IV)
 - + Về nội dung: kiến thức cơ bản trong chương trình môn Toán lớp 10 hiện hành.

3. Phần nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ chuyên môn

Thí sinh cần vận dụng kỹ năng sư phạm, kiến thức chuyên môn nhận định và xử lý tình huống sư phạm cụ thể trong quá trình giảng dạy môn Toán.

Lưu ý: Ngoài những nội dung nêu trên, thí sinh dự thi cần tự tìm hiểu các kiến thức chuyên môn, các quy định của pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn có liên quan đến vị trí ứng tuyển.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: Y TẾ TRƯỜNG HỌC

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm. Cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y sĩ và các quy định về công tác y tế trường học.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các dấu hiệu nhận biết, các biện pháp phòng, tránh một số bệnh, tật trong lứa tuổi học đường.

- **Phần nghiệp vụ y tế (30 điểm):** Xử lý tình huống cụ thể (triệu chứng, bệnh lý, tai nạn thương tích thường gặp trong y tế trường học).

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không** được sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

- Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế - Bộ GD&ĐT quy định về công tác y tế trường học (Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Chương II).

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ (Điều 10, Mục 3 Chương II).

- Y đức ngành Y tế.

2. Chuyên môn

Các dấu hiệu nhận biết, các biện pháp phòng, tránh một số bệnh (dị vật đường thở, nhiễm khuẩn hô hấp cấp, sốt xuất huyết, tiêu chảy, bỏng,...), tình trạng ngộ độc thức ăn, tật cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh sâu răng, một số tai nạn thương tích (ngạt nước, ong đốt, ngã, súc vật cắn, tai nạn giao thông...)

3. Nghiệp vụ y tế (Xử lý tình huống)

- Nhận biết (đánh giá) và xử trí ban đầu một số triệu chứng, bệnh lý xảy ra trong trường học (cảm sốt, sốt xuất huyết, hạ đường huyết, hạ canxi huyết, đau bụng, rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, điện giật,...)

- Sơ cứu, cấp cứu ban đầu (Sơ cứu vết thương, cầm máu, sơ cứu gãy xương, tai nạn giao thông, ngộ độc, điện giật...)

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: THƯ VIỆN VIÊN HẠNG IV

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm. Cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Luật Thư viện, đánh giá hoạt động thư viện, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện, tiêu chuẩn Thư viện cơ sở giáo dục.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn cơ bản của ngành Thư viện.

- **Phần nghiệp vụ (30 điểm):** Xử lý tình huống cụ thể trong quá trình hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của thư viện viên và giao tiếp với bạn đọc tại Thư viện.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

1/ Luật Thư viện ngày 21 tháng 11 năm 2019 (Mục 1 chương II, Chương III).

2/ Thông tư số 05/2020/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về đánh giá hoạt động thư viện.

3/ Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện (Chương II).

4/ Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định tiêu chuẩn Thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông (Chương II, Chương III, Chương IV).

2. Phần năng lực chuyên môn

1/ Công tác xây dựng vốn tài liệu.

2/ Công tác xử lý, tổ chức, bảo quản tài liệu.

3/ Công tác hoạt động truyền thông vận động, tổ chức dịch vụ thư viện.

4/ Thông tư số 18/2014/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện.

3. Phần nghiệp vụ

Với vai trò là nhân viên Thư viện, thí sinh xử lý tình huống trong quá trình hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của mình và giao tiếp với bạn đọc tại Thư viện.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc đề thi: Đề thi gồm có 3 phần, thang điểm 100, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Hệ thống ngân sách nhà nước; nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước; kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước; các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

+ Nội dung chứng từ kế toán; Chứng từ điện tử; Lập và lưu trữ chứng từ kế toán; Ký chứng từ kế toán.

+ Quy định về tài khoản kế toán.

- Phần năng lực chuyên môn (40 điểm): Các nguyên tắc kế toán, kết cấu và nội dung phản ánh một số tài khoản kế toán hành chính sự nghiệp.

- Phần nghiệp vụ kế toán (30 điểm): Xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản kế toán có liên quan.

2. Hình thức thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không** được sử dụng tài liệu trong khi làm bài.

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

* Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015:

- Chương 1, Điều 6: Hệ thống ngân sách nhà nước.

- Chương 1, Điều 8: Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước.

- Chương 1, Điều 13: Kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

- Chương 1, Điều 18 Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

* Luật Kế toán ngày 20/11/2015:

- Chương II, Mục 1, Điều 16: Nội dung chứng từ kế toán.

- Chương II, Mục 1, Điều 17: Chứng từ điện tử.

- Chương II, Mục 1, Điều 18: Lập và lưu trữ chứng từ kế toán.

- Chương II, Mục 1, Điều 19: Ký chứng từ kế toán.

* Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính:

- Chương II, Điều 4: Quy định về tài khoản kế toán.

2. Chuyên môn

Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp:

- Nguyên tắc kế toán, kết cấu và nội dung tài khoản 112 (Tiền gửi ngân hàng, Kho bạc).
- Nguyên tắc kế toán, kết cấu và nội dung tài khoản 141 (Tạm ứng).
- Nguyên tắc kế toán, kết cấu và nội dung tài khoản 153 (Công cụ dụng cụ).
- Nguyên tắc kế toán, kết cấu và nội dung tài khoản 214 (khấu hao và hao mòn lũy kế tài sản cố định).
- Nguyên tắc kế toán, kết cấu và nội dung tài khoản 334 (Phải trả người lao động).
- Nguyên tắc kế toán, kết cấu và nội dung tài khoản 511 (Thu hoạt động do ngân sách nhà nước cấp).

3. Nghiệp vụ kế toán

Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp: Phương pháp hạch toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu của tài khoản 112 (Tiền gửi ngân hàng, Kho bạc); tài khoản 141 (Tạm ứng), tài khoản 153 (Công cụ dụng cụ); tài khoản 214 (khấu hao và hao mòn lũy kế tài sản cố định); tài khoản 334 (Phải trả người lao động); tài khoản 511 (Thu hoạt động do ngân sách nhà nước cấp).

Vận dụng tình huống tài chính xử lý và hạch toán vào các tài khoản 112 (Tiền gửi ngân hàng, Kho bạc); tài khoản 141 (Tạm ứng), tài khoản 153 (Công cụ dụng cụ); tài khoản 214 (khấu hao và hao mòn lũy kế tài sản cố định); tài khoản 334 (Phải trả người lao động); tài khoản 511 (Thu hoạt động do ngân sách nhà nước cấp).

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: KẾ TOÁN VIÊN

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách; căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo Luật Ngân sách Nhà nước.

+ Nguồn thu của ngân sách nhà nước; nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước theo.

- Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):

+ Yêu cầu kế toán; nguyên tắc kế toán; đối tượng kế toán; Các hành vi bị nghiêm cấm.

+ Quy định về sổ kế toán; Báo cáo quyết toán.

- Phần nghiệp vụ kế toán (30 điểm): Xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản kế toán có liên quan.

2. Hình thức thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

* Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015:

- Chương I, Điều 12: Điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước.

- Chương II, Điều 32: Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách.

- Chương IV, Điều 41: Căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm .

* Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước:

- Chương I, Điều 2: Thu ngân sách Nhà nước.

- Chương I, Điều 3: Chi ngân sách Nhà nước.

2. Chuyên môn

* Luật Kế toán ngày 20/11/2015:

- Chương I, Điều 5: Yêu cầu kế toán.

- Chương I, Điều 6: Nguyên tắc kế toán.

- Chương I, Điều 8: Đối tượng kế toán.

- Chương I, Điều 13: Các hành vi bị nghiêm cấm

* Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp:

- Chương II, Điều 5: Quy định về sổ kế toán.
- Chương II, Điều 6: Báo cáo quyết toán.

3. Nghiệp vụ kế toán

Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp: Phương pháp hạch toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu của các tài khoản 111 (Tiền mặt); tài khoản 152 (Nguyên liệu vật liệu); tài khoản 211 (Tài sản cố định hữu hình); tài khoản 337 (Tạm thu); tài khoản 431 (Các quỹ); tài khoản 611 (Chi phí hoạt động).

Vận dụng tình huống tài chính xử lý và hạch toán vào các tài khoản: tài khoản 111 (Tiền mặt); tài khoản 152 (Nguyên liệu vật liệu); tài khoản 211 (Tài sản cố định hữu hình); tài khoản 337 (Tạm thu); tài khoản 431 (Các quỹ); tài khoản 611 (Chi phí hoạt động).

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: VĂN THƯ TRUNG CẤP

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Quyền của viên chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến lương; chế độ nghỉ ngơi của viên chức; nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp; những điều viên chức không được làm; các loại hợp đồng làm việc; nội dung đánh giá viên chức; thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật; chính sách của Nhà nước về lưu trữ; các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật Lưu trữ; trách nhiệm lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan; thời hạn nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan; trách nhiệm giao, nhận hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan; quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; thời hạn bảo quản tài liệu.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác văn thư; thể thức văn bản; kỹ thuật trình bày văn bản; soạn thảo văn bản; ký ban hành văn bản; trình tự quản lý văn bản đi; đăng ký văn bản đi; lưu văn bản đi; trình tự quản lý văn bản đến; tiếp nhận văn bản đến; đăng ký văn bản đến; trình chuyển giao văn bản đến. *Các phụ lục kèm theo.*

- **Phần nghiệp vụ (30 điểm):** Xử lý tình huống cụ thể về nghiệp vụ văn thư.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 (*Điều 12, Điều 13, Điều 17, Điều 19*).

- Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. (*khoản 2, khoản 5 và khoản 7 Điều 2*)

- Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011 (*Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 17*)

2. Kiến thức chuyên môn

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư. (*Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, và các phụ lục kèm theo điều khoản*).

3. Nghiệp vụ văn thư: Xử lý các tình huống liên quan đến nghiệp vụ của văn thư.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: PHÓNG VIÊN HẠNG III

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc đề thi: Có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

- Luật Báo chí 2016

- Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/1992 quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí; Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 về quản lý cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet;

- Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 28/12/2000; Quy định về đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam, được Đại hội đại biểu Hội nhà báo Việt Nam lần thứ VI thông qua, ban hành ngày 13/8/2005;

- Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí được Chính phủ ban hành ngày 28/5/2007.

- Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):

Am hiểu sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, am tường lý luận, sâu sát thực tiễn, có năng lực nghiên cứu, có bản lĩnh chính trị vững vàng; luôn có cố gắng lớn, quyết tâm cao, phải say nghề, yêu nghề thì mới cho ra những bài biên tập, bài viết có chất lượng. Phải nắm vững tính lý luận và tính chính trị;

Chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích của báo chí... Đội ngũ phóng viên phải thật sự là chiến sĩ cách mạng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng; phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, chẳng những không hoang mang, dao động, không chịu ảnh hưởng của những luận điệu sai trái, mà phải có ý thức tấn công quyết liệt với những luận điệu đó, cũng như những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ...

Các kỹ năng: Kỹ năng viết, kỹ năng giao tiếp, khả năng nhạy bén, khả năng chịu áp lực cao

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Phần nghiệp vụ (30 điểm):

- Kỹ năng thực hiện các bài viết, bản tin, phỏng vấn, hình ảnh hoặc phóng sự về một hay nhiều vấn đề của xã hội

- Kỹ năng ‘lấy tin’, tường thuật các sự kiện xảy ra trong ngày, những gì gọi là tin tức? Trước khi thu tập thông tin về một vấn đề nào đó, họ tự hỏi: ‘đây có phải là chuyện người ta sẽ bàn tán đến hay không?’ và ‘đây có phải là tin họ cần hay không?’ Tin tức là những dữ kiện quan trọng hay đáng đề ý, được một số đông người quan tâm. Những tin này khác với những điều thông thường xảy ra hàng ngày. Tin tức là những gì công chúng quan tâm.

- Tìm nguồn tin và ý tưởng để viết bài, khả năng quan sát, tầm quan trọng và độ hấp dẫn của các bản tin, bài viết.

- Văn hóa người làm báo

- Sự hy sinh để hoàn thành đầy đủ công việc của mình một cách thích hợp cho báo, đài. Đòi hỏi tính nhanh nhẹn, tự tin và kiên nhẫn, cần cù.

- Kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống của phóng viên, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột, những tố chất cần có của một phóng viên.

2. Hình thức đề thi:

- Thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

-Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu

B. Nội dung ôn tập:

1. Phần kiến thức chung:

- Thí sinh cần tìm hiểu:

Thông tư 13/2022/TT-BTTTT , ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về Phóng viên hạng III - Mã số: V.11.02.06.

Thông tư liên tịch 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức Biên tập viên, Phóng viên, Biên dịch viên và Đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ ban hành.

- Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016.

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010.

- Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội và trách nhiệm của báo chí. những điều cần biết của người phóng viên sử dụng mạng xã hội.

- Nội dung 10 quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo, do Hội Nhà báo Việt Nam ban hành

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về Báo chí: Rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị của người làm báo...

2. Phần năng lực chuyên môn:

Kỹ năng viết bài, kiểm chứng độ chính xác cao, những hiểu biết cần thiết về bản quyền tác phẩm báo chí, có ý thức cao về nghề nghiệp, việc hành xử của các phóng viên phải đúng chuẩn mực, phù hợp với những yêu cầu quy định của luật báo chí, nội quy quy chế của cơ quan.

Bài viết, bản tin có chất lượng, phải có câu văn hoàn chỉnh, từ ngữ đẹp, tư duy rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, khả năng ngôn ngữ, kỹ năng ngữ pháp, tỉ mỉ và cẩn thận. ...

Yêu cầu cao về trách nhiệm.

Kỹ năng phỏng vấn trong mọi điều kiện thời tiết, con người.

Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên.

3. Phân xử lý tình huống.

- Cách xử lý một số tình huống chủ quan và khách quan, các sự cố không mong muốn, xảy ra trong quá trình tác nghiệp.

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: HUẤN LUYỆN VIÊN HẠNG III (THỂ DỤC THỂ THAO)

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi gồm 03 phần, thang điểm là 100. Cụ thể như sau:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

Luật TDTT 2006, Luật TDTT sửa đổi, bổ sung 2018;

Nghị định số 36/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thể dục thể thao.

Quyết định số: 2160/QĐ-TTg về việc Phê duyệt "Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030".

Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức ngành Thể dục thể thao.

- Phần nghiệp vụ chuyên môn (40 điểm): Các thông tư áp dụng thực hiện công tác chuyên môn.

Thông tư số 18 /2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở.

Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL ngày 17 tháng 01 năm 2019 quy định về nội dung đánh giá phát triển thể dục thể thao quần chúng.

Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao.

Quyết định số 223/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 02 năm 2019 phê duyệt Đề án "Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035".

Lập kế hoạch, xây dựng điều lệ, Tổ chức bốc thăm, thi đấu, trọng tài, biên bản.

- Phần xử lý tình huống (30 điểm): Giải quyết tình huống nghiệp vụ xảy ra trong quá trình điều hành, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Luật TDTT 2006, Luật TDTT sửa đổi, bổ sung 2018. (Chương I, điều 4, 6. Chương II, điều 11, 13. Chương III, điều 32, 33. Chương IV, điều 59, 60)

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thể dục thể thao. (Chương III, điều 15, 17. Chương IV, điều 18, 19, 20)

- Quyết định số 2160/QĐ-TTg về việc Phê duyệt "Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030". (Cần nắm rõ quan điểm; mục tiêu tổng quát ;mục tiêu cụ thể: c) Nhân lực trực tiếp làm việc trong lĩnh vực thể dục, thể thao; giải pháp: Phát triển nguồn nhân lực).

- Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức ngành Thể dục thể thao. (Chương I, điều 3. Chương II, Điều 6. Chương III, điều 8).

2. Phần thực năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Thông tư số 18 /2011/TT-BVHTTDL, ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở (Điều 2, 3, 4, 5).

- Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL, ngày 17 tháng 01 năm 2019 quy định về đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng (Chương I, điều 3, Chương II; Chương III, điều 12)

- Quyết định số 223/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 02 năm 2019 phê duyệt Đề án "Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035". (Điều 1. Đối tượng, quan điểm, mục tiêu, nội dung; 3. Tiêu chuẩn và phương thức đào tạo, huấn luyện, tập huấn. V. Nhiệm vụ và giải pháp, mục 1, mục 2)

- Lập kế hoạch tổ chức hội thao cấp cơ sở. Kế hoạch tham gia hội thao.

- Xây dựng điều lệ giải đấu 1 môn thể thao, trên 2 môn thể thao.

- Tổ chức bốc thăm, thi đấu, trọng tài.

- Biên bản thi đấu, biên bản vi phạm trong thi đấu.

3. Phần nghiệp vụ xử lý tình huống.

Giải quyết tình huống nghiệp vụ xảy ra trong quá trình điều hành, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao (xử lý tình huống về cơ sở vật chất, về nhân sự, về tài chính, về điều kiện tổ chức và các tình huống phát sinh trong thời gian tổ chức giải đấu).

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: VĂN HÓA, VĂN NGHỆ (HUỚNG DẪN VIÊN VĂN HOÁ HẠNG III)

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):**

+ Luật Viên ngày 15/11/2010

+ Luật số 52/2019/QH14 của Quốc hội: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức

+ Văn bản hợp nhất số: 26/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Quốc Hội về Luật viên chức 2019

+ Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

+ Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng.

+ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

+ Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Thực hiện Luật Viên chức; Hoạt động văn hoá, văn nghệ.

- **Phần nghiệp vụ (30 điểm):** Xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình công tác, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức viết và tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. **Phần kiến thức chung:** Thí sinh cần tìm hiểu:

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010 (giới hạn chương II, và chương III).

- Luật số 52/2019/QH14 của Quốc hội: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức (giới hạn Điều 25; Điều 41)

+ Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Quốc Hội về Luật viên chức 2019 (Giới hạn Chương II, Chương V)

+ Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở (Giới hạn Điều 8, Chương II)

+ Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng. (Toàn bộ nội dung)

+ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. (Giới hạn Chương I, II, III)

+ Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo. (Giới hạn Điều 3, Điều 4)

2. Phần năng lực chuyên môn: Thí sinh cần chú ý đến:

- Nắm vững các nội dung, quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn; hình thức, thể loại, phương pháp, xây dựng kịch bản chương trình biểu diễn văn nghệ.

- Quy trình tổ chức hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

- Kỹ năng tham gia dẫn chương trình; Phân tích, đánh giá đề ra các giải pháp thực hiện tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật một cách hiệu quả.

3. Phần xử lý tình huống của người tuyên truyền viên văn hóa: Xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình công tác, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao.